TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 12-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Huy;

2. Ông Trần Thanh Hoài.

***- Thư Ký phiên tòa*:** Ông Trương Công Bình- Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hoài Trinh– Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/HSST-QĐ ngày 17/7/2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử phiên tòa Hình sự số 705/TB-TA ngày 01/8/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM VĂN T –** Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1985, tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; số CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 051085014455; ngày cấp: 14/9/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ Công an; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Dé – Đã chết và con bà Phạm Thị O(O); Vợ: Phạm Thị A và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/10/2023 cho đến nay.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Xuân P- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 63, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Phạm Thị Q, Sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Anh Phạm Văn T1, Sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Anh Phạm Văn N, Sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

4. Anh Phạm Văn K, Sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

5. Anh Phạm Văn S, Sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

6. Anh Phạm Văn C, Sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

7. Anh Phạm Văn T2, Sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

8. Anh Phạm Văn L, Sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

9. Anh Phạm Văn A, Sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

10. Anh Phạm Văn N, Sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

11. Anh Phạm Văn S, Sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

12. Anh Phạm Văn B, Sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

13. Anh Phạm Văn L1, Sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

14. Anh Phạm Văn T3, Sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

15. Anh Phạm Văn N2, Sinh năm 2006; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

16. Anh Phạm Văn T4, Sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

17. Anh Phạm Văn Có, Sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

18. Anh Phạm Văn T5, Sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

19. Anh Phạm Văn T6, Sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

20. Anh Phạm Văn H, Sinh năm 1978 ; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

21. Anh Phạm Văn T7, Sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

22. Anh Phạm Văn T8, Sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

23. Anh Phạm Văn N3, Sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

24. Anh Phạm Văn H1, Sinh năm 1994 ; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

25. Anh Phạm Văn T7, Sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

26. Anh Phạm Văn O, Sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

27. Anh Phạm Văn C2, Sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

28. Anh Phạm Văn P, Sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

29. Anh Phạm Văn P1, Sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

30. Anh Phạm Văn K1, Sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

31. Anh Phạm Văn B1, Sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

32. Anh Phạm Văn K1, Sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

33. Anh Phạm Văn H2, Sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

34. Anh Phạm Văn Thi, Sinh năm 1977 ; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

35. Anh Phạm Văn T11, Sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

36. Anh Phạm Văn X, Sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

37. Chị Phạm T G, Sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

38. Anh Phạm Văn D, Sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

39. Anh Phạm Văn T12, Sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

40. Anh Phạm Văn O1, Sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

41. Anh Phạm Văn B2, Sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

42. Anh Phạm Văn B3, Sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

43. Anh Phạm Văn Kiều, Sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

44. Anh Phạm Văn T13, Sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

45. Anh Phạm Văn H3, Sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

46. Anh Phạm Văn P2, Sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

* *Người pH dịch*: Ông Phạm Văn X-Chuyên viên Trung tâm truyền thông văn hóa thể thao huyện Ba Tơ (phiên dịch tiếng Hre).

(Bị cáo, anh T4, anh C1, anh K2, anh T13, ông X có mặt tại phiên tòa; người bào chữa ông Nguyễn Xuân P có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2021, Phạm Văn T nhận được điện thoại từ một người đàn ông tự giới thiệu tên là Lê Tiến Đ ở TP. Đà Nẵng sử dụng số điện thoại 0984.940.130 và nói với Phạm Văn T: *Muốn làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 không cần phải thi với giá là 1.000.000đ (một triệu đồng), chỉ cần chụp hình chân dung khuôn mặt của người cần làm giấy phép lái xe và hình mặt T, mặt sau căn cước công dân rồi gửi cho Đ để làm giấy phép lái xe và có hồ sơ*. Lúc này, Phạm Văn T đã có giấy phép lái xe hạng A1 được Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi cấp vào năm 2013 nên không đặt làm mà nói con gái là Phạm Thị Q ở thôn M, xã B, huyện B chụp hình chân dung của Q, đồng thời chụp hình căn cước công dân mặt T và mặt sau gửi cho Phạm Văn T để gửi hình ảnh qua ứng dụng Zalo đăng K tài khoản số điện thoại 0984.940.130 của ông Đ. Khoảng 12 ngày sau đó, Phạm Văn T nhận được 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Phạm Thị Q do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi cấp kèm theo 01 (một) biên bản tổng

hợp kết quả sát hạch lái xe có in hình chân dung Phạm Thị Q (không đề ngày tháng năm sát hạch và không đề thông tin của người được sát hạch) và 01 (một) mẫu đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (không ghi thông tin người đề nghị) từ người giao hàng của Công ty J và Phạm Văn T đưa số tiền 1.000.000đ cho người giao hàng. Sau đó, Phạm Văn T đưa giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho Phạm Thị Q sử dụng.

Đến tháng 02/2022, Phạm Văn T3 tục giới thiệu cho ông Phạm Văn T1 ở gần nhà T về việc làm được giấy phép lái xe mô tô hạng A1 không cần thi với giá 1.000.000đ (một triệu đồng) thì ông T1 đồng ý làm. Sau đó, Phạm Văn T chụp hình chân dung ông T1 cũng như hình mặt T, mặt sau căn cước công dân rồi T3 tiếp tục gửi qua ứng dụng Zalo cho ông Đ và sau đó khoảng 12 ngày thì ông T1 nhận được giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Phạm Văn T1 kèm theo giấy tờ giống như Phạm Thị Q và ông T1 đưa số tiền 1.000.000đ cho người giao hàng.

Đến tháng 7/2022, ông Phạm Văn N và ông Phạm Văn K ở cùng thôn M, xã B đến nhà Phạm Văn T đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 thì Phạm Văn T đồng ý, cách thức làm tương tự như T đó cũng như cách thức nhận giấy phép lái xe và Phạm Văn T nhận làm mỗi trường hợp số tiền là 1.000.000đ. Sau khi nhận được giấy phép lái xe kèm theo giấy tờ có liên quan thì Phạm Văn T đưa cho ông N và ông K mang về sử dụng.

Đến tháng 9/2022, ông Phạm Văn S, Phạm Văn C và Phạm Văn T2 ở cùng thôn M, xã B đến nhà Phạm Văn T đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 thì Phạm Văn T đồng ý, cách thức làm tương tự như T đó cũng như cách thức nhận giấy phép lái xe và Phạm Văn T nhận làm mỗi trường hợp số tiền là 1.200.000đ (trong đó 1.000.000đ là tiền làm giấy phép lái xe, còn 200.000đ là tiền công). Sau khi nhận được giấy phép lái xe kèm theo giấy tờ có liên quan thì Phạm Văn T đưa cho ông S, C và T2 mang về sử dụng.

Đến tháng 11/2022, biết được thông tin Phạm Văn T làm được giấy phép lái xe hạng A1 không cần phải thi nên có 20 người đến gặp Phạm Văn T đặt làm giấy phép lái xe gồm: Phạm Văn T5, Phạm Văn T6, Phạm Văn H, Phạm Văn T7 và Phạm Văn T8 đều ở thôn B, xã B; Phạm Văn T4 và Phạm Văn C ở thôn G, xã B; Phạm Văn T7, Phạm Văn O, Phạm Văn C2, Phạm Văn P, Phạm Văn P1, Phạm Văn K1, Phạm Văn B1, Phạm Văn K1, Phạm Văn H2, Phạm Văn Thi, Phạm Văn T11 đều ở thôn G, xã B; Phạm Văn N2 ở thôn M, xã B và Phạm Văn X ở thôn N, xã B. Cách thức làm, cách thức nhận giấy phép lái xe tương tự như T đó. Trong 20 người T12 thì 19 người Phạm Văn T nhận mỗi người số tiền làm giấy phép lái xe là 1.200.000đ, trong đó 1.000.000đ là tiền chuyển cho người giao hàng, còn lại 200.000đ là tiền Phạm Văn T thu lợi, riêng ông X thì Phạm Văn T chỉ lấy số tiền 1.000.000đ là tiền chuyển cho người giao hàng. Sau khi nhận được giấy phép lái xe kèm theo giấy tờ có liên quan thì Phạm Văn T đưa cho 20 người T12 mang về sử dụng.

Đến tháng 12/2022, tiếp tục có 19 người đến gặp Phạm Văn T đặt làm giấy phép lái xe gồm: Phạm Văn L1, Phạm Văn T3, Phạm Văn L, Phạm Văn A, Phạm Văn N, Phạm Văn S và Phạm Văn B đều ở thôn M, xã B; Phạm Văn N3, Phạm

Văn H1 đều ở thôn B, xã B; Phạm Văn T12, Phạm Văn O1, Phạm Văn D và Phạm Th G đều ở thôn N, xã B; Phạm Văn H3 và Phạm Văn P2 đều ở thôn N1, xã B; Phạm Văn B2, Phạm Văn B3, Phạm Văn K2 và Phạm Văn T13 đều ở thôn N, xã B. Cách thức làm, cách thức nhận giấy phép lái xe tương tự như T đó. Trong 19 người T12 thì có 09 người Phạm Văn T nhận mỗi người số tiền làm giấy phép lái xe là 1.200.000đ, trong đó 1.000.000đ là tiền chuyển cho người giao hàng, còn lại 200.000đ là tiền Phạm Văn T thu lợi; 04 người (ông L, ông A, ông N, ông P2), Phạm Văn T nhận mỗi người số tiền làm giấy phép lái xe là 1.100.000đ, trong đó 1.000.000đ là tiền chuyển cho người giao hàng, còn lại 100.000đ là tiền Phạm Văn T thu lợi; riêng 06 người gồm: Ông L1, ông T3, ông S, ông B, ông T12 và ông H3 thì Phạm Văn T chỉ lấy số tiền 1.000.000đ chuyển cho người giao hàng vì những người này có mối quan hệ bà con với Phạm Văn T nên không lấy tiền lời và những người này cảm ơn bằng hình thức mời Phạm Văn T "nhậu".

Đến khoảng tháng 02/2023 hành vi của Phạm Văn T bị Đảng uỷ, UBND xã Ba Xa phát hiện và báo cáo Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ. Đến ngày 23/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ đã tiếp nhận tin báo về tội phạm của UBND huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi về hành vi nêu T12 của ông Phạm Văn T.

Trong quá trình điều tra, Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu T12.

- Ngày 26/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ ra Quyết đinh trưng cầu giám định số 77/QĐ-CSĐT đối với **24** (hai mươi bốn) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đã thu giữ của: Phạm T Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Phạm Văn T12, Phạm Văn X, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn N3, Phạm Văn B, Phạm Văn H3, Phạm Văn K1, Phạm Văn T10, Phạm Văn K1, Phạm Văn T6, Phạm Văn C2, Phạm Văn P1, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2. Đến ngày 10/10/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh có kết luận giám định số 940/KL-KTHS đối với 24 giấy phép lái xe mô tô T12 là giấy giả.

- Ngày 01/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ ra Quyết đinh trưng cầu giám định số 100/QĐ-CSĐT đO với **19** (mười chín) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đã thu giữ được của: Phạm T G, Phạm Văn L1, Phạm Văn N, Phạm Văn C1, Phạm Văn T7, Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn T4, Phạm Văn C, Phạm Văn T3, Phạm Văn T1, Phạm Văn K, Phạm Văn T5, Phạm Văn T8, Phạm Văn L, Phạm Văn A, Phạm Văn T7, Phạm Văn D, Phạm Văn T2. Đến ngày 18/3/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh có kết luận giám định số 238/KL-KTHS đO với 19 giấy phép lái xe mô tô T12 là giấy giả.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng:

Quá trình xác minh, điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã thu giữ, tạm giữ:

- 43 (bốn mươi ba) Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên: Phạm T Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Phạm Văn T12, Phạm Văn X, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn N3, Phạm Văn B, Phạm Văn H3, Phạm Văn K1, Phạm Văn T, Phạm Văn K1, Phạm Văn T6, Phạm Văn C2, Phạm Văn P1, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm T G, Phạm Văn L1, Phạm Văn N, Phạm Văn C1, Phạm Văn T7, Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn T4, Phạm Văn C, Phạm Văn T3, Phạm Văn T1, Phạm Văn K, Phạm Văn T5, Phạm Văn T8, Phạm Văn L, Phạm Văn A, Phạm Văn T7, Phạm Văn D, Phạm Văn T2. Riêng đối với ông Phạm Văn O1 và Phạm Văn H và ông Phạm Văn P2 tại thời điểm Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra xác minh nguồn tin về tội phạm thì ông Phạm Văn O1 và Phạm Văn H không còn sử dụng giấy phép lái xe hạng A1 do Phạm Văn T làm nên không có cơ sở để thu giữ, còn ông Phạm Văn P2 đã chết vào tháng 7/2023 nên cũng không thu giữ được giấy phép lái xe.

- 26 (hai mươi sáu) hồ sơ, giấy tờ thi Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 gồm 01 (một) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và 01 (một) mẫu đơn đề nghị học, sát hạch đề cấp giấy phép lái xe của Phạm T2 Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn K1, Phạm Văn T10, Phạm Văn K1, Phạm Văn C2, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm T G, Phạm Văn L1, Phạm Văn T7 (G), Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn C, Phạm Văn L, Phạm Văn D, Phạm Văn T2, Phạm Văn O1 và Phạm Văn H.

- Số tiền 6.600.000đ (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc làm giấy phép lái xe mô tô cho người khác, Phạm Văn T tự nguyện giao nộp lại.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 14/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Đề nghị truy thu của Phạm Văn T số tiền 6.600.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính từ việc làm giấy phép lái xe mô tô giả cho người khác.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án **26** (hai mươi sáu) hồ sơ, giấy tờ thi Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 gồm 01 (một) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và 01 (một) mẫu đơn đề

nghị học, sát hạch đề cấp giấy phép lái xe của Phạm T2 Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn K1, Phạm Văn T10, Phạm Văn K1, Phạm Văn C2, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm T2 G, Phạm Văn L1, Phạm Văn T7 (G), Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn C, Phạm Văn L, Phạm Văn D, Phạm Văn T2, Phạm Văn O1 và Phạm Văn H.

Tịch thu tiêu hủy **43** (bốn mươi ba) Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên: Phạm Thị Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Phạm Văn T12, Phạm Văn X, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn N3, Phạm Văn B, Phạm Văn H3, Phạm Văn K1, Phạm Văn T10, Phạm Văn K1, Phạm Văn T6, Phạm Văn C2, Phạm Văn P1, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm Thị G, Phạm Văn L1, Phạm Văn N, Phạm Văn C1, Phạm Văn T7, Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn T4, Phạm Văn C, Phạm Văn T3, Phạm Văn T1, Phạm Văn K, Phạm Văn T5, Phạm Văn T8, Phạm Văn L, Phạm Văn A, Phạm Văn T7, Phạm Văn D, Phạm Văn T2.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa đến Hội đồng xét xử. Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và khung hình phạt như viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 24 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo.

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện tương tự như bản cáo trạng đã truy tố và nhất trí với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa. Bị cáo không tranh luận bào chữa gì. Lời nói sau cùng bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

T12 cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố: Những người tiến hành tố tụng này đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người bào chữa đã có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa đến tòa án. Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại Phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá về tội danh: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại Phiên tòa với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử thấy cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án về diễn biến vụ án, kết luận giám định cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 phải qua thi sát hạch, tuy nhiên vì ham giá rẻ, tin vào lời nói của người đàn ông tự giới thiệu tên Lê Tiến Đ là "không cần thi vẫn có giấy phép lái xe và có hồ sơ đầy đủ" nên trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 12/2022, Phạm Văn T đã giới thiệu cho những người có nhu cầu, thực hiện việc chụp ảnh, cung cấp hình ảnh chân dung, hình ảnh căn cước công dân của 46 người dân tại xã Ba Xa và Ba Vì, sau đó trực tiếp gửi qua ứng dụng zalo cho Đ và đặt làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Đồng thời, trong quá trình làm, T nãy Sý định đưa ra giá làm giấy phép lái xe cao hơn số tiền thực tế gửi làm từ 100.000đ (một trăm ngàn đồng) đến 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) để hưởng tiền chênh lệch, tổng số tiền T thu được từ việc làm giấy phép lái xe giả là 6.600.000đ (sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng). Căn cứ kết luận giám định, các giấy phép lái xe do Phạm Văn T làm cho người dân là giấy giả.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn T đã phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đối với bị cáo như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi làm giả giấy phép lái xe cho nhiều người trong khoản thời gian dài nên phải chịu tình tiết tăng nặng T13 nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ Luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại Phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu, tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã thu lợi bất chính từ việc làm giả giấy pháp lái xe nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều giấy khen vì có thành tích xuất sắc nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ trong hoạt động quản lý trong lĩnh vực đào tạo và cấp giấy phép lái xe. Bị cáo là người có năng lực T13 nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vẫn thực hiện để kiếm lời. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Ba Tơ, gây nguy cơ tại nạn giao thông, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Hội đồng xét xử thấy cần phải ra một bản án nghiêm khác tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, đồng thời ren đe các đối tượng khác có hình vi tương tự.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy T khi phạm tội bị cáo là Cán bộ công chức xã, tuy có thu nhập ổn định từ lương do nhà nước chi trả. Tuy nhiên, xét thấy mức thu nhập chỉ đủ chi tiêu cho bị cáo và gia đình, vợ bị cáo không có thu nhập ổn định, bị cáo còn nuôi con nhỏ, gia đình sống ở vùng đặc biệt khó khăn, hơn nửa toàn bộ só tiền thu lợi bất chính bị cáo đã nộp lại. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với **26** (hai mươi sáu) hồ sơ, giấy tờ thi Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 gồm 01 (một) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và 01 (một) mẫu đơn đề nghị học, sát hạch đề cấp giấy phép lái xe của Phạm T2 Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn K1, Phạm Văn T10, Phạm Văn K1, Phạm Văn C2, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm T2 G, Phạm Văn L1, Phạm Văn T (G), Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn C, Phạm Văn L, Phạm Văn D, Phạm Văn T2, Phạm Văn O1 và Phạm Văn H do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ thu giữ khi lập biên bản vụ việc và quá trình khám xét cần T3 tục được lưu trong hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với **43** (bốn mươi ba) Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên: Phạm Thị Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Phạm Văn T12, Phạm Văn X, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn N3, Phạm Văn B, Phạm Văn H3, Phạm Văn K1, Phạm Văn T10, Phạm Văn K1, Phạm Văn T6, Phạm Văn C2, Phạm Văn P1, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm Thị G, Phạm Văn L1, Phạm Văn N, Phạm Văn C1, Phạm Văn T7, Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn T4, Phạm Văn C, Phạm Văn T3, Phạm Văn T1, Phạm Văn K, Phạm Văn T5, Phạm Văn T8, Phạm Văn L, Phạm Văn A, Phạm Văn T7, Phạm Văn D, Phạm Văn T2 cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về truy thu số tiền thu lời bất chính: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Phạm Văn T đều xác định trong quá trình làm giấy phép lái xe giả, T nãy Sý định đưa ra giá làm giấy phép lái xe cao hơn số tiền thực tế gửi làm từ

100.000đ (một trăm ngàn đồng) đến 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) để hưởng tiền chênh lệch, tổng số tiền T thu được từ việc làm giấy phép lái xe giả là 6.600.000đ (sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền T12. Xét thấy đây là số tiền thu lời bất chính nên cần tịch thu số tiền này sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Về các tình tiết khác:

Đối với nguồn gốc các giấy phép lái xe giả: Phạm Văn T khai mua của người đàn ông tên Lê Tiến Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) T12 mạng xã hội Zalo, người này gửi về cho T thông qua dịch vụ Bưu điện, T không còn lưu thông tin gì về người này. Ngoài lời khai của T, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với 44 người được Phạm Văn T làm giấy phép lái xe mô tô giả gồm: Phạm Thị Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Phạm Văn T12, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn N3, Phạm Văn B, Phạm Văn H3, Phạm Văn K1, Phạm Văn Thi, Phạm Văn K1, Phạm Văn T6, Phạm Văn C2, Phạm Văn P1, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm T2 G, Phạm Văn L1, Phạm Văn N, Phạm Văn C1, Phạm Văn T7 (B), Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn T4, Phạm Văn C, Phạm Văn T3, Phạm Văn T1, Phạm Văn K, Phạm Văn T5, Phạm Văn T8, Phạm Văn L, Phạm Văn A, Phạm Văn T7 (G), Phạm Văn D, Phạm Văn T2, Phạm Văn O1, Phạm Văn H, trừ hai người đã chết Phạm Văn X, Phạm Văn P2. Quá trình điều tra vụ án nhận thấy, mặc dù những người nêu T12 có hành vi đặt làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 nhằm mục đích đối phó với lực lượng Cảnh sát giao thông kiểm tra khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, tuy nhiên khi biết được thông tin giấy phép lái xe mô tô là giả nên đã chấm dứt hành vi sử dụng và tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra. Xét thấy hành vi nêu T12 của các đối tượng có dấu hiệu của tội phạm "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", nhưng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, căn cứ khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không cần thiết phải xử lý hình sự đối với 44 người nêu trên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện chuyển tài liệu có liên quan cho Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với 44 người nêu T12 về hành vi sử dụng giấy phép lái xe mô tô giả theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2019, được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 123/NĐ-CP ngày 28/11/2021. Tuy nH, ngày 14/5/2024, đội Cảnh sát giao thông Công văn số 456/CAH-GT về việc trả lời đề nghị xử lý vi phạm hành chính đối với các cá nhân liên quan trong lĩnh vực giao thông, theo đó cơ quan T3 nhận xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền cho rằng hồ sơ không đủ cơ sở và hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp nêu T12 là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

4. Về vật chứng:

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 26 (hai mươi sáu) hồ sơ, giấy tờ thi Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 gồm 01 (một) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và 01 (một) mẫu đơn đề nghị học, sát hạch đề cấp giấy phép lái xe của Phạm Thị Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn K1, Phạm Văn T10, Phạm Văn K1, Phạm Văn C2, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm T2 G, Phạm Văn L1, Phạm Văn T7 (G), Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn C, Phạm Văn L, Phạm Văn D, Phạm Văn T2, Phạm Văn O1 và Phạm Văn H.

- Tịch thu tiêu hủy 43 (bốn mươi ba) Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên: Phạm Thị Q, Phạm Văn H1, Phạm Văn H2, Phạm Văn O, Phạm Văn S, Phạm Văn P, Phạm Văn T12, Phạm Văn X, Phạm Văn N2, Phạm Văn B1, Phạm Văn N3, Phạm Văn B, Phạm Văn H3, Phạm Văn K1, Phạm Văn Thi, Phạm Văn K1, Phạm Văn T6, Phạm Văn C2, Phạm Văn P1, Phạm Văn T11, Phạm Văn K2, Phạm Văn T13, Phạm Văn B3, Phạm Văn B2, Phạm T2 G, Phạm Văn L1, Phạm Văn N, Phạm Văn C1, Phạm Văn T7, Phạm Văn N, Phạm Văn S1, Phạm Văn T4, Phạm Văn C, Phạm Văn T3, Phạm Văn T1, Phạm Văn K, Phạm Văn T5, Phạm Văn T8, Phạm Văn L, Phạm Văn A, Phạm Văn T7, Phạm Văn D, Phạm Văn T2.

- Tịch thu của bị cáo Phạm Văn T 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) sung Ngân sách Nhà nước. Tiếp tục tạm giữ số tiền 6.600.000đ mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 000635 ngày 15/5/2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ để đảm bảo cho việc thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/8/2024). Những người vắng mặt tại pH tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKSND H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ;
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa

Ngô Văn Ngoan